

KẾT QUẢ TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ CHUYÊN NGÀNH QUAN HỆ QUỐC TẾ ĐỢT I NĂM 2014

STT	Họ và tên	Khối Thi	GT	Ngày sinh	SBD	KẾT QUẢ DỰ THI							Ghi chú	
						Cơ bản (Triết)	Cơ sở (CTQT)	Tổng CB+CS	Kết quả NN					KQ NN
									Đọc -viết	Nghe	Nói	TỔNG		
1	Nguyễn Quỳnh Anh	D1	nữ	14/11/1987	1	1.0	4.0	5.0	36.0	14.0	15.0	65.0	ĐẠT	
2	Trần Quang Anh	D1	nam	31/10/1990	2	0.5	-	-	-	-	-	-	KĐ	
3	Nguyễn Phương Anh	D1	nữ	07/08/1988	3	0.0	5.0	5.0	38.0	18.5	14.0	70.5	ĐẠT	
4	Kiều Ngọc Anh	D1	nam	05/03/1971	4	2.0	3.0	5.0	28.0	13.0	11.0	52.0	ĐẠT	
5	Lê Thị Nguyệt Anh	D1	nữ	13/01/1989	5	7.5	5.0	12.5	39.0	12.0	10.0	61.0	ĐẠT	
6	Nguyễn Minh Anh	D1	nữ	06/01/1991	6	6.5	8.0	14.5	46.0	16.5	15.0	77.5	ĐẠT	
7	Lê Văn Bình	D1	nam	01/08/1977	7	7.0	7.5	14.5	38.5	15.0	13.0	66.5	ĐẠT	
8	Hoàng Tiến Bình	D1	nam	15/03/1984	8	4.0	-	-	20.0	4.0	-	-	KĐ	
9	Phạm Quỳnh Châu	D1	nữ	14/05/1991	9	7.0	8.0	15.0	48.0	17.5	18.0	83.5	ĐẠT	
10	Trần Quang Chính	D1	nam	27/03/1988	10	4.0	5.5	9.5	34.0	12.5	11.0	57.5	ĐẠT	
11	Hoàng Nguyễn Ngọc Diệp	D1	nữ	04/10/1991	11	5.5	2.0	7.5	25.0	7.0	-	-	KĐ	
12	Đặng Thùy Dung	D1	nữ	16/10/1986	12	3.5	6.0	9.5	44.0	13.0	15.0	72.0	ĐẠT	
13	Phạm Quang Duy	D1	nam	26/12/1990	13	5.0	6.0	11.0	42.5	17.5	15.0	75.0	ĐẠT	
14	Đinh Thị Thùy Dương	D1	nữ	08/09/1988	14	5.0	5.5	10.5	37.5	10.5	14.0	62.0	ĐẠT	
15	Nguyễn Hải Đăng	D1	nam	06/05/1986	16	6.5	6.0	12.5	40.5	11.0	14.0	65.5	ĐẠT	
16	Vũ Thị Thùy Giang	D1	nữ	06/09/1990	17	7.0	6.0	13.0	34.5	12.5	11.0	58.0	ĐẠT	
17	Dương Mạnh Hà	D1	nam	27/03/1987	18	4.0	8.5	12.5	27.0	8.0	10.0	45.0	KĐ	
18	Hoàng Thị Ngọc Hà	D1	nữ	08/03/1989	19	7.0	7.5	14.5	32.0	8.5	10.0	50.5	ĐẠT	
19	Nguyễn Thị Phương Hoa	D1	nữ	25/11/1991	20	7.0	7.0	14.0	45.5	17.0	16.0	78.5	ĐẠT	
20	Nghiêm Văn Hoàn	D1	nam	19/10/1991	21	8.5	7.0	15.5	39.0	17.5	15.0	71.5	ĐẠT	
21	Nguyễn Quốc Huy	D1	nam	24/01/1964	22	7.5	6.5	14.0	31.0	7.5	12.0	50.5	ĐẠT	
22	Nguyễn Thành Huy	D1	nam	13/06/1976	23	7.5	7.5	15.0	38.0	13.5	15.0	66.5	ĐẠT	



23	Đình Quang Hùng	D1	nam	01/10/1980	24	7.0	5.5	12.5	37.0	13.5	8.0	58.5	ĐẠT	
24	Dương Mai Hương	D1	nữ	24/04/1991	26	3.0	5.0	8.0	45.0	16.5	16.0	77.5	ĐẠT	
25	Bùi Quốc Khánh	D1	nam	02/09/1990	27	6.0	7.5	13.5	45.0	17.5	14.0	76.5	ĐẠT	
26	Trần Thanh Lê	D1	nữ	09/01/1987	28	6.5	6.0	12.5	48.0	16.0	14.0	78.0	ĐẠT	
27	Hoàng Diệu Linh	D1	nữ	04/03/1981	29	4.0	6.0	10.0	28.0	13.5	16.0	57.5	ĐẠT	
28	Trần Hà Linh	D1	nữ	22/01/1988	30	5.0	7.0	12.0	38.5	16.0	16.0	70.5	ĐẠT	
29	Ly Ngọc Long	D1	nam	01/01/1988	31	0.0	4.5	4.5	17.0	4.5	8.0	29.5	KĐ	
30	Nguyễn Tuyết Mai	D1	nữ	10/11/1989	32	7.0	5.5	12.5	37.0	11.5	14.0	62.5	ĐẠT	
31	Nguyễn Thị Kiều Minh	D1	nữ	28/05/1986	33	2.0	4.0	6.0	42.0	13.0	14.0	69.0	ĐẠT	
32	Trần Hà My	D1	nữ	09/08/1991	34	7.0	8.0	15.0	46.0	17.5	17.0	80.5	ĐẠT	
33	Nguyễn Anh Ngọc	D1	nam	31/01/1976	35	8.0	6.5	14.5	39.5	12.5	13.0	65.0	ĐẠT	
34	Nguyễn Hồng Nhung	D1	nữ	24/09/1985	37	6.5	5.0	11.5	34.0	8.0	10.0	52.0	ĐẠT	
35	Mã Thị Nương	D1	nữ	22/10/1979	38	6.0	5.0	11.0	35.0	12.0	12.0	59.0	ĐẠT	
36	Vũ Thị Quỳnh Phương	D1	nữ	29/12/1981	39	7.0	5.0	12.0	33.0	13.0	12.0	58.0	ĐẠT	
37	Trần Hiệp Quang	D1	nam	30/03/1989	6	4.5	5.5	10.0	38.0	14.5	14.0	66.5	ĐẠT	
38	Nguyễn Hùng Sơn	D1	nam	09/10/1991	42	7.0	6.5	13.5	45.0	19.5	15.0	79.5	ĐẠT	
39	Nguyễn Thị Thanh Tâm	D1	nữ	07/04/1969	43	2.0	5.5	7.5	9.0	4.0	10.0	23.0	KĐ	
40	Nguyễn Trường Thành	D1	nam	28/06/1990	44	6.0	6.5	12.5	36.0	9.0	8.0	53.0	ĐẠT	
41	Lương Kim Thành	D1	nam	17/12/1984	45	5.0	7.0	12.0	42.0	12.0	16.0	70.0	ĐẠT	
42	Nguyễn Thanh Thảo	D1	nữ	19/05/1992	46	4.0	4.0	8.0	39.0	11.0	13.0	63.0	ĐẠT	
43	Nguyễn Việt Thắng	D1	nam	17/08/1989	47	7.0	5.5	12.5	28.0	12.0	10.0	50.0	ĐẠT	
44	Nguyễn Thanh Thùy	D1	nữ	20/08/1987	48	7.5	5.0	12.5	47.0	16.0	18.0	81.0	ĐẠT	
45	Trần Thu Trang	D1	nữ	02/04/1986	49	1.0	6.0	7.0	37.0	8.5	11.0	56.5	ĐẠT	
46	Vũ Hồng Trang	D1	nữ	15/01/1986	50	8.0	5.0	13.0	40.0	15.0	13.0	68.0	ĐẠT	
47	Lê Thị Quỳnh Trang	D1	nữ	26/01/1981	51	6.0	5.5	11.5	37.5	6.0	14.0	57.5	KĐ	
48	Nguyễn Thu Trang	D1	nữ	02/10/1991	52	5.0	5.0	10.0	22.0	10.5	11.0	43.5	KĐ	
49	Nguyễn Anh Tuấn	D1	nam	29/10/1972	53	6.0	5.0	11.0	20.0	8.5	9.0	37.5	KĐ	
50	Hoàng Văn Tú	D1	nam	03/01/1982	54	6.0	6.0	12.0	30.0	9.0	11.0	50.0	ĐẠT	
51	Nguyễn Thanh Tùng	D1	nam	23/08/1991	55	7.0	6.0	13.0	39.5	16.5	17.0	73.0	ĐẠT	
52	Nguyễn Quang Vinh	D1	nam	24/08/1980	56	6.5	6.5	13.0	24.0	10.0	11.0	45.0	KĐ	
53	Nguyễn Thị Thanh Xuân	D1	nữ	05/10/1985	57	5.0	5.0	10.0	19.0	4.0	5.0	28.0	KĐ	
54	Ngô Thu Hiền	D1	nữ	05/10/1980	66	-	-	-	14.0	2.0	0.0	16.0	KĐ	Thi nhờ
55	Phan Thanh Hương	D1	nữ	23/01/1978	67	-	-	-	16.0	6.0	3.0	25.0	KĐ	Thi nhờ
56	Ngô Thị Hồng Dương	D3	nữ	22/12/1990	58	2.5	3.5	6.0	35.0	15.5	9.0	59.5	ĐẠT	

57	Vũ Thúy Hà	D3	nữ	12/08/1971	59	5.0	5.0	10.0	46.0	18.0	19.0	83.0	ĐẠT
58	Phạm Hoàng Minh	D3	nam	10/11/1989	60	0.0	0.0	0.0	40.0	18.0	12.0	70.0	ĐẠT
59	Đỗ Thu Trang	D3	nữ	19/06/1986	61	6.0	6.5	12.5	34.0	10.0	14.0	58.0	ĐẠT
60	Nguyễn Văn Tuấn	D3	nam	16/07/1986	62	5.5	5.0	10.5	38.5	13.5	14.0	66.0	ĐẠT
61	Phan Vũ Tuấn Anh	D4	nam	13/12/1980	63	8.5	7.0	15.5	56.0	20.0	18.0	94.0	ĐẠT
62	Phan Đức Cường	D4	nam	03/06/1988	64	7.0	6.0	13.0	42.0	18.0	11.0	71.0	ĐẠT
63	Bùi Thanh Hải	D4	nam	01/12/1988	65	4.5	5.5	10.0	44.0	16.0	12.0	72.0	ĐẠT

Hà Nội, ngày 30 tháng 5 năm 2014

Người lập bảng

*Truơ*

Đỗ Thị Thanh Bình



Đặng Đình Quý

